

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN ĐỒ SƠN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2018/HNGĐ-ST
Ngày 13-4-2018
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN ĐỒ SƠN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Hữu Trường.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Khắc Quyết.

Bà Hoàng Thị Yến.

- Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Trọng Đạt - Thư ký Tòa án nhân dân quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 4 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 108/2017/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 11 năm 2017, về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 3 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thùy A, sinh năm 1982, nơi cư trú: Tổ Đ, phường M, quận Đ, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

- *Bị đơn:* Anh Hoàng Văn H, sinh năm 1981, nơi cư trú: Tổ Đ, phường M, quận Đ, thành phố Hải Phòng, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong Đơn khởi kiện đề ngày 07-11-2017 và Bản tự khai đề ngày 29-11-2017, nguyên đơn là chị Nguyễn Thùy A trình bày:

- Về hôn nhân: Chị và anh Hoàng Văn H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn năm 2002, tại Ủy ban nhân dân xã Tân Thành, huyện Kiến Thụy (Nay là phường Tân Thành, quận Dương Kinh), thành phố Hải Phòng. Sau khi kết hôn, chị và anh H chung sống tại tổ Đ, phường M, quận Đ, thành phố Hải Phòng, thành phố Hải Phòng. Đến năm 2004, giữa chị và anh H phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh H không có việc làm ổn định nhưng lại ham chơi,

thường xuyên rượu chè bê tha và quan hệ với bạn bè xấu. Bên cạnh đó, anh H còn thường xuyên ghen tuông mù quáng, không có cơ sở nên hay gây sự, chửi bới, đánh đập chị và bôi nhọ danh dự của chị trên mạng xã hội. Thậm chí, anh H còn sỉ nhục đến người thân của chị. Chị và gia đình đã khuyên anh H rất nhiều lần nhưng đều không có kết quả. Càng chung sống thì giữa chị và anh H càng phát sinh nhiều mâu thuẫn. Đến năm 2014, anh H đã sống như vợ chồng với người phụ nữ khác. Vì mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, chị phải chịu nhiều áp lực, căng thẳng và bạo lực gia đình nên từ khoảng giữa tháng 10 năm 2017, chị đã chuyển ra ngoài sống ly thân với anh H. Thời gian đầu, ngày nào anh H cũng gọi điện chửi bới và đe dọa chị. Thậm chí, anh H còn đến nhà bố, mẹ chị đe dọa. Vì vậy, việc đi lại, sinh hoạt và làm việc của chị không được an toàn. Đến nay, chị thấy tình cảm của chị dành cho anh H không còn, tình trạng hôn nhân đã ở mức độ trầm trọng, không thể kéo dài nên chị đề nghị Tòa án giải quyết được ly hôn anh H.

- Về con chung: Chị và anh H có 01 con chung là Hoàng Chí V, sinh ngày 29-01-2000. Hiện nay, cháu V đang ở với chị. Chị đề nghị Tòa án giao cháu V cho chị nuôi dưỡng, không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Chị và anh H không có tài sản chung nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Đơn đề nghị đề ngày 02-01-2018, cháu V nêu nguyện vọng được ở cùng với mẹ sau khi bố, mẹ ly hôn.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt thông báo về việc thụ lý vụ án cho anh H theo quy định của pháp luật. Tòa án cũng đã triệu tập nhưng anh H vẫn không đến Tòa án tham gia tố tụng để giải quyết vụ án. Vì vậy, Tòa án không có bản tự khai của anh H.

Do chị A đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải, anh H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn cố tình vắng mặt nên Tòa án đã tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận và công khai chứng cứ vắng mặt anh H theo khoản 2 Điều 208 của Bộ luật Tố tụng dân sự; đồng thời, lập biên bản về việc không tiến hành hòa giải được theo khoản 4 Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án cũng đã thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận và công khai chứng cứ cho anh H theo khoản 3 Điều 210 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trước khi mở phiên tòa, chị A có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện; cụ thể, chị rút yêu cầu về nuôi con chung vì cháu V đã thành niên, không mất năng lực hành vi dân sự và có khả năng lao động để tự nuôi mình; cháu V có đơn trình bày thể hiện cháu đã trưởng thành và có khả năng lao động để nuôi bản thân.

Đại diện Viện kiểm sát đã phát biểu về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án; đề nghị Hội đồng xét xử:

- Căn cứ Điều 8, Điều 9, khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu của chị A ly hôn với anh H;

- Chị A phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào ý kiến của đương sự, kết quả xác minh, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là quan hệ tranh chấp về ly hôn và nuôi con chung, bị đơn là anh Hoàng Văn H, sinh năm 1981, cư trú tại: Tổ Đ, phường M, quận Đ, thành phố Hải Phòng; theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng.

[2]. Về sự vắng mặt của đương sự: Tại phiên tòa ngày 28-3-2018, anh H vắng mặt mà không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử đã hoãn phiên tòa, thông báo cho anh H biết về việc hoãn phiên tòa theo quy định tại khoản 1 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Phiên tòa hôm nay, anh H vẫn vắng mặt mà không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai. Tại Đơn đề nghị xét xử vắng mặt đề ngày 19-3-2018, chị Nguyễn Thùy A đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt chị. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và 3 Điều 228, khoản 1 Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt cả chị A và anh H.

Về hôn nhân:

[3]. Chị A và anh H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn năm 2002, tại Ủy ban nhân dân xã Tân Thành, huyện Kiến Thụy (Nay là phường Tân Thành, quận Dương Kinh), thành phố Hải Phòng. Theo quy định tại Điều 9 và Điều 11 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000, đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

[4]. Các tài liệu, chứng cứ mà Tòa án thu thập được xác định: Khoảng từ năm 2004 đến nay, tình trạng hôn nhân của chị A và anh H không được hạnh phúc. Anh H hay gây sự, chửi bới và đánh đập chị A. Thậm chí, anh H còn đánh đập con, xúc phạm đến bố, mẹ của chị A. Vì không thể tiếp tục chịu đựng bạo lực từ phía anh H nên từ khoảng giữa tháng 10 năm 2017, chị A đã chuyển ra ngoài sống ly thân với anh H. Cháu Hoàng Chí V là con của anh H và chị A cũng chuyển trường học để không bị anh H đánh đập. Trong thời gian này, anh H vẫn đến nhà bố, mẹ chị A xúc phạm và đe dọa. Cũng vì bị anh H đe dọa và không còn

mong muốn được đoàn tụ với anh H nên chị A đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải. Có thể thấy, lời khai của chị A về quan hệ hôn nhân trong quá trình tham gia tố tụng là đúng, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ mà Tòa án thu thập được. Hội đồng xét xử thấy: Từ năm 2004, anh H thường xuyên có hành vi bạo lực đối với chị A, đối với cháu V, vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài nên có đủ cơ sở để chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị A đối với anh H theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[5]. Về nuôi con chung: Chị A và anh H có 01 con chung là Hoàng Chí V, sinh ngày 29-01-2000. Trong đơn khởi kiện, chị A nhận nuôi cháu V, không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con chung. Tuy nhiên, trước khi mở phiên tòa, chị A có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện. Theo đó, chị A rút yêu cầu về nuôi con chung. Trong Đơn trình bày đề ngày 10-4-2018 của cháu V thể hiện cháu đã trưởng thành và có khả năng tự lao động để nuôi bản thân. Hội đồng xét xử xét thấy, việc rút yêu cầu về nuôi con chung của chị A là tự nguyện; đến thời điểm xét xử, cháu V đã thành niên, không mất năng lực hành vi dân sự và có khả năng lao động để tự nuôi mình nên chấp nhận đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện, đình chỉ xét xử đối với yêu cầu về nuôi con của chị A theo quy định tại khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 1 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[6]. Về chia tài sản chung: Chị A khai không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[7]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị A là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

[8]. Về quyền kháng cáo: Chị A và anh H được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, khoản 1 Điều 238, khoản 2 Điều 244, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án,

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thùy A được ly hôn với anh Hoàng Văn H.

2. Về nuôi con chung: Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu về nuôi con chung của chị A.

3. Về án phí: Chị A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm mà chị đã nộp 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng, theo Biên lai số 0006755 ngày 27-11-2017 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng, chị A đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Chị A và anh H có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- TAND. thành phố Hải Phòng;
- VKSND. quận Đồ Sơn;
- Chi cục THADS. quận Đồ Sơn;
- UBND. phường Tân Thành;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Hữu Trường